

Bản án số: 71/2024/HS-PT
Ngày: 30-7-2024

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Tú.

Các Thẩm phán: Bà Trương Thị Đào Vi.

Bà Thái Thị Hồng Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 56/2024/TLPT-HS ngày 24 tháng 05 năm 2024 đối với bị cáo Phạm Ngọc A do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 121/2024/HS-ST ngày 09 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 147/2024/QĐXXPT-HS ngày 08 tháng 7 năm 2024.

- Bị cáo có kháng cáo:

Phạm Ngọc A, tên gọi khác: Không có; sinh ngày 22 tháng 1 năm 1997 tại tỉnh Quảng Ninh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã V, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; chỗ ở hiện nay: số I đường P, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Minh T, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1965; vợ, con: Không có; tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 29/9/2023 đến ngày 05/10/2023, sau đó bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay. Có mặt.

Ngoài ra, còn có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Hồ Thị N, bà Lê Thị Ngọc H, bà Nguyễn Thị Kiều O, bà Nguyễn Thị S, bà Lương Thị Ngọc H1, chị Nguyễn Thị Hồng N1, bà Huỳnh Thị Ái H2, ông Nguyễn Đình T1, bà Huỳnh Thị Xuân H3. Các cá nhân này không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu năm 2023, Phạm Ngọc A đến trú tại số B đường N, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế để sinh sống và tìm việc làm. Quá trình tìm việc thì A thấy có nhiều người cho vay nên nảy sinh ý định cho vay để kiếm lời. Đầu tháng 4 năm 2023, A mượn của gia đình số tiền khoảng 40.000.000 đồng để hoạt động cho vay. Sau khi liên hệ được người có nhu cầu vay tiền, A kiểm tra nhà ở và thu giữ giấy tờ tùy thân của người đó, sau đó hai bên thỏa thuận vay tiền mà không làm giấy tờ vay. Hằng ngày, A liên hệ với người vay để gặp người vay và thu tiền trả góp. Số tiền thu lợi A dùng để cho vay tiếp hoặc chi trả các khoản chi phí sinh hoạt cá nhân. Quá trình điều tra xác định, A đã cho tổng cộng 09 (chín) người vay với 22 (hai mươi hai) lượt vay trả góp, cụ thể:

1. Trường hợp chị Hồ Thị N, sinh năm: 1973, trú tại: số D đường N, phường X, thành phố H vay tổng cộng 03 (ba) lần như sau:

Lần 1: Vào khoảng đầu tháng 4 năm 2023, A cho chị N vay số tiền 10.000.000 đồng, phí làm hồ sơ là 200.000 đồng, vay trong vòng 40 ngày, mỗi ngày trả góp 300.000 đồng, trả trước 01 ngày đầu tiên, lãi suất cho vay là 0.50%/ngày, tương đương 182,5%/năm và vượt 9,13 lần mức lãi suất cao nhất mà pháp luật cho phép. Chị N đã trả góp được 24 ngày với tổng số tiền là 7.200.000 đồng thì chị N đáo hạn khoản vay để vay lần 02 và đã trả đủ số tiền 12.000.000 đồng của 40 ngày. Tiền lãi ở mức 20%/năm mà Nhà nước cho phép là: 219.178 đồng, tiền lãi vượt quá mức quy định mà pháp luật cho phép là 1.780.822 đồng. Số tiền A thu lợi bất chính từ lần vay này là 1.980.822 đồng.

Lần 2: Vào khoảng cuối tháng 4 năm 2023, A cho chị N vay số tiền 10.000.000 đồng, phí làm hồ sơ là 200.000 đồng, vay trong vòng 40 ngày, mỗi ngày trả góp 300.000 đồng, trả trước 01 ngày đầu tiên, lãi suất cho vay là 0.50%/ngày, tương đương 182,5%/năm và vượt 9,13 lần mức lãi suất cao nhất mà pháp luật cho phép. Chị N đã trả góp được 24 ngày với tổng số tiền là 7.200.000 đồng thì chị N đáo hạn vay lần 03 và đã trả đủ số tiền 12.000.000 đồng của 40 ngày. Tiền lãi ở mức 20%/năm mà Nhà nước cho phép là: 219.178 đồng, tiền lãi vượt quá mức quy định mà pháp luật cho phép là 1.780.822 đồng. Số tiền A thu lợi bất chính từ lần vay này là 1.980.822 đồng.

Lần 3: Vào khoảng cuối tháng 5 năm 2023, A cho chị N vay số tiền 10.000.000 đồng, phí làm hồ sơ là 200.000 đồng, vay trong vòng 40 ngày, mỗi ngày trả góp 300.000 đồng, trả trước 01 ngày đầu tiên, lãi suất cho vay là 0.50%/ngày, tương đương 182,5%/năm và vượt 9,13 lần mức lãi suất cao nhất mà pháp luật cho phép. Chị N đã trả góp được 28 ngày với tổng số tiền là 8.400.000 đồng (trong đó tiền gốc 7.000.000 đồng, tiền lãi 1.400.000 đồng), còn lại 12 ngày chưa trả. Tiền lãi ở mức 20%/năm mà Nhà nước cho phép là: 153.425 đồng, tiền lãi vượt quá mức quy định mà pháp luật cho phép là 1.246.575 đồng. Số tiền A thu lợi bất chính từ lần vay này là 1.446.575 đồng. Số tiền gốc còn lại chị N còn nợ A là 3.000.000 đồng. Tổng số tiền Phạm Ngọc A thu lợi bất chính từ chị Hồ Thị N là 5.408.219 đồng (Năm triệu bốn trăm lẻ tám nghìn, hai trăm mười chín nghìn đồng).

2. Trường hợp chị Lê Thị Ngọc H, sinh năm: 1969, trú tại: số B đường N, phường X, thành phố H vay của A 1 lần, cụ thể như sau:

Ngày 06/4/2023, A cho chị H vay số tiền 10.000.000 đồng, phí làm hồ sơ là 200.000 đồng, vay trong vòng 40 ngày, mỗi ngày trả góp 300.000 đồng, trả trước 01 ngày đầu tiên, lãi suất cho vay là 0.50%/ngày, tương đương 182,5%/năm và vượt 9,13 lần mức lãi suất cao nhất mà pháp luật cho phép. Chị H đã trả góp được 27 ngày với tổng số tiền là 8.100.000 đồng (trong đó tiền gốc 6.750.000 đồng, tiền lãi 1.350.000 đồng), còn lại 13 ngày chưa trả. Tiền lãi ở mức 20%/năm mà Nhà nước cho phép là: 147.945 đồng, tiền lãi vượt quá mức quy định mà pháp luật cho phép là 1.202.055 đồng. Số tiền A thu lợi bất chính từ lần vay này là 1.402.055 đồng. Số tiền gốc còn lại chị H còn nợ A là 3.250.000 đồng.

3. Trường hợp chị Nguyễn Thị Kiều O, sinh năm: 1966, trú tại: số F đường T, phường Đ, thành phố H vay tổng cộng 03 (ba) lần như sau:

Lần 1: Tháng 5 năm 2023, A cho chị O vay số tiền 20.000.000 đồng không thu phí làm hồ sơ, vay trong vòng 48 ngày, mỗi ngày trả góp 500.000 đồng, trả trước 01 ngày đầu tiên, lãi suất cho vay là 0.42%/ngày, tương đương 152,08%/năm và vượt 7,6 lần mức lãi suất cao nhất mà pháp luật cho phép. Chị O đã trả hết khoản vay này. Tiền lãi ở mức 20%/năm mà Nhà nước cho phép là: 526.027 đồng, tiền lãi vượt quá mức quy định mà pháp luật cho phép là 3.473.973 đồng. Số tiền A thu lợi bất chính từ lần vay này là 3.473.973 đồng.

Lần 2: Tháng 7 năm 2023, A cho chị O vay số tiền 20.000.000 đồng không thu phí làm hồ sơ, vay trong vòng 48 ngày, mỗi ngày trả góp 500.000 đồng, trả trước 01 ngày đầu tiên, lãi suất cho vay là 0.42%/ngày, tương đương 152,08%/năm và vượt 7,6 lần mức lãi suất cao nhất mà pháp luật cho phép. Chị O đã trả hết khoản vay này. Tiền lãi ở mức 20%/năm mà Nhà nước cho phép là: 526.027 đồng, tiền lãi vượt quá mức quy định mà pháp luật cho phép là 3.473.973 đồng. Số tiền A thu lợi bất chính từ lần vay này là 3.473.973 đồng.

Lần 3: Ngày 01/9/2023, A cho chị O vay số tiền 20.000.000 đồng không thu phí làm hồ sơ, vay trong vòng 48 ngày, mỗi ngày trả góp 500.000 đồng, trả trước 01 ngày đầu tiên, lãi suất cho vay là 0.42%/ngày, tương đương 152,08%/năm và vượt 7,6 lần mức lãi suất cao nhất mà pháp luật cho phép. O đã trả góp được 24 ngày với tổng số tiền là 12.000.000 đồng (trong đó tiền gốc 10.000.000 đồng, tiền lãi 2.000.000 đồng), còn lại 16 ngày chưa trả. Tiền lãi ở mức 20%/năm mà Nhà nước cho phép là: 263.014 đồng, tiền lãi vượt quá mức quy định mà pháp luật cho phép là 11.736,986 đồng. Số tiền A thu lợi bất chính từ lần vay này là 1.736,986 đồng. Số tiền gốc còn lại chị O còn nợ A là 10.000.000 đồng. Tổng số tiền A thu lợi bất chính từ Nguyễn Thị Kiều O là 8.684,932 đồng (Tám triệu, sáu trăm tám mươi tư nghìn, chín trăm ba mươi hai đồng).

4. Trường hợp chị Nguyễn Thị S, sinh năm: 1972, trú tại Lô C, phường H, thành phố H, vay tổng cộng 02 (hai) lần như sau:

Lần 1: Ngày 03 tháng 6 năm 2023, A cho chị S vay số tiền 20.000.000 đồng không thu phí làm hồ sơ, vay trong vòng 40 ngày, mỗi ngày trả góp 600.000 đồng, trả trước 01 ngày đầu tiên, lãi suất cho vay là 0.50%/ngày, tương đương 182,5%/năm và vượt 9,13 lần mức lãi suất cao nhất mà pháp luật cho phép. Chị S đã trả đủ lần vay này. Tiền lãi ở mức 20%/năm mà Nhà nước cho phép là:

438.356 đồng, tiền lãi vượt quá mức quy định mà pháp luật cho phép là 3.561.644 đồng. Số tiền A thu lợi bất chính từ lần vay này là 3.561.644 đồng.

Lần 2: Ngày 18 tháng 8 năm 2023, A cho chị S vay số tiền 20.000.000 đồng phí làm hồ sơ là 200.000 đồng, vay trong vòng 40 ngày, mỗi ngày trả góp 600.000 đồng, trả trước 01 ngày đầu tiên, lãi suất cho vay là 0.50%/ngày, tương đương 182,5%/năm và vượt 9,13 lần mức lãi suất cao nhất mà pháp luật cho phép. Chị O đã trả góp được 32 ngày với tổng số tiền là 19.200.000 đồng (trong đó tiền gốc 16.000.000 đồng, tiền lãi 3.200.000 đồng), còn lại 8 ngày chưa trả. Tiền lãi ở mức 20%/năm mà Nhà nước cho phép là: 350.685 đồng, tiền lãi vượt quá mức quy định mà pháp luật cho phép là 2.849.315 đồng. Số tiền A thu lợi bất chính từ lần vay này là 3.049.315 đồng. Số tiền gốc còn lại chị S còn nợ A là 4.000.000 đồng. Tổng số tiền Phạm Ngọc A thu lợi bất chính từ Nguyễn Thị S là 6.610.959 đồng. (Sáu triệu, sáu trăm mười nghìn, chín trăm năm mươi chín đồng).

5. Trường hợp bà Lương Thị Ngọc H1, sinh năm: 1963, trú tại: P chung cư X, phường X, thành phố H, vay tổng cộng 02 (hai) lần như sau:

Lần 1: Ngày 23 tháng 8 năm 2023, A cho bà H1 vay số tiền 10.000.000 đồng không thu phí làm hồ sơ, vay trong vòng 40 ngày, mỗi ngày trả góp 300.000 đồng, ngày đầu và ngày cuối góp 600.000 đồng, trả trước 01 ngày đầu tiên, lãi suất cho vay là 0.50%/ngày, tương đương 182,5%/năm và vượt 9,13 lần mức lãi suất cao nhất mà pháp luật cho phép. Bà H1 đã trả được 30 ngày với số tiền 9.300.000 đồng thì bà H1 đáo hạn khoản vay để vay lần 02 và đã trả đủ số tiền 12.000.000 đồng của 40 ngày. Tiền lãi ở mức 20%/năm mà Nhà nước cho phép là: 219.178 đồng, tiền lãi vượt quá mức quy định mà pháp luật cho phép là 1.780.822 đồng. Số tiền A thu lợi bất chính từ lần vay này là 1.780.822 đồng.

Lần 2: Ngày 23 tháng 9 năm 2023, A cho bà H1 vay số tiền 15.000.000 đồng không thu phí làm hồ sơ, vay trong vòng 40 ngày, mỗi ngày trả góp 500.000 đồng, trả trước 01 ngày đầu tiên, lãi suất cho vay là 0.83%/ngày, tương đương 304,2%/năm và vượt 15 lần mức lãi suất cao nhất mà pháp luật cho phép. Bà H1 mới trả góp được 6 ngày với tổng số tiền là 3.000.000 đồng (trong đó tiền gốc 2.250.000 đồng, tiền lãi 750.000 đồng), còn lại 34 ngày chưa trả. Tiền lãi ở mức 20%/năm mà Nhà nước cho phép là: 49.315 đồng, tiền lãi vượt quá mức quy định mà pháp luật cho phép là 700.685 đồng. Số tiền A thu lợi bất chính từ lần vay này là 700.685 đồng. Số tiền gốc còn lại bà H1 còn nợ A là 12.750.000 đồng. Tổng số tiền Phạm Ngọc A thu lợi bất chính từ Lương Thị Ngọc H1 là 2.481.507 đồng (Hai triệu, bốn trăm tám mươi một nghìn, năm trăm lẻ bảy đồng).

6. Trường hợp chị Nguyễn Thị Hồng N1, sinh năm: 1988, trú tại: số A Kìेत A đường D, phường A, thành phố H vay tổng cộng 05 (năm) lần như sau:

Lần 1: Đầu tháng 5 năm 2023, A cho chị N1 vay số tiền 10.000.000 đồng, phí làm hồ sơ là 100.000 đồng, vay trong vòng 40 ngày, mỗi ngày trả góp 300.000 đồng, trả trước 01 ngày đầu tiên, lãi suất cho vay là 0.50%/ngày, tương đương 182,5 %/năm và vượt 9,13 lần mức lãi suất cao nhất mà pháp luật cho phép. Chị N1 đã trả góp được 20 ngày với tổng số tiền là 6.000.000 đồng thì chị N1 đáo hạn vay lần 2 nên đã trả đủ số tiền 12.000.000 đồng cho 40 ngày. Tiền

lãi ở mức 20%/năm mà Nhà nước cho phép là: 219.178 đồng, tiền lãi vượt quá mức quy định mà pháp luật cho phép là 1.780.822 đồng. Số tiền A thu lợi bất chính từ lần vay này là 1.880.822 đồng.

Lần 2: Đầu tháng 6 năm 2023, A cho chị N1 vay số tiền 20.000.000 đồng, phí làm hồ sơ là 200.000 đồng, vay trong vòng 40 ngày, mỗi ngày trả góp 600.000 đồng, trả trước 01 ngày đầu tiên, lãi suất cho vay là 0.50%/ngày, tương đương 182,5%/năm và vượt 9,13 lần mức lãi suất cao nhất mà pháp luật cho phép. Chị N1 đã trả góp được 20 ngày với tổng số tiền là 12.000.000 đồng thì chị N1 đáo hạn vay lần 3 nên đã trả đủ số tiền 24.000.000 đồng cho 40 ngày. Tiền lãi ở mức 20%/năm mà Nhà nước cho phép là: 438.356 đồng, tiền lãi vượt quá mức quy định mà pháp luật cho phép là 3.561.644 đồng. Số tiền A thu lợi bất chính từ lần vay này là 3.761.644 đồng.

Lần 3: Đầu tháng 7 năm 2023, A cho chị N1 vay số tiền 20.000.000 đồng, phí làm hồ sơ là 200.000 đồng, vay trong vòng 40 ngày, mỗi ngày trả góp 600.000 đồng, trả trước 01 ngày đầu tiên, lãi suất cho vay là 0.50%/ngày, tương đương 182,5%/năm và vượt 9,13 lần mức lãi suất cao nhất mà pháp luật cho phép. Chị N1 đã trả góp được 20 ngày với tổng số tiền là 12.000.000 đồng thì chị N1 đáo hạn vay lần 4 nên đã trả đủ số tiền 24.000.000 đồng cho 40 ngày. Tiền lãi ở mức 20%/năm mà Nhà nước cho phép là: 438.356 đồng, tiền lãi vượt quá mức quy định mà pháp luật cho phép là 3.561.644 đồng. Số tiền A thu lợi bất chính từ lần vay này là 3.761.644 đồng.

Lần 4: Đầu tháng 8 năm 2023, A cho chị N1 vay số tiền 20.000.000 đồng, phí làm hồ sơ là 200.000 đồng, vay trong vòng 40 ngày, mỗi ngày trả góp 600.000 đồng, trả trước 01 ngày đầu tiên, lãi suất cho vay là 0.50%/ngày, tương đương 182,5%/năm và vượt 9,13 lần mức lãi suất cao nhất mà pháp luật cho phép. Chị N1 đã trả góp được 20 ngày với tổng số tiền là 12.000.000 đồng thì chị N1 đáo hạn vay lần 5 nên đã trả đủ số tiền 24.000.000 đồng cho 40 ngày. Tiền lãi ở mức 20%/năm mà Nhà nước cho phép là: 438.356 đồng, tiền lãi vượt quá mức quy định mà pháp luật cho phép là 3.561.644 đồng. Số tiền A thu lợi bất chính từ lần vay này là 3.761.644 đồng.

Lần 5: Đầu tháng 9 năm 2023, A cho chị N1 vay số tiền 20.000.000 đồng, phí làm hồ sơ là 200.000 đồng, vay trong vòng 40 ngày, mỗi ngày trả góp 600.000 đồng, trả trước 01 ngày đầu tiên, lãi suất cho vay là 0.50%/ngày, tương đương 182,5%/năm và vượt 9,13 lần mức lãi suất cao nhất mà pháp luật cho phép. Chị N1 đã trả góp được 25 ngày với tổng số tiền là 15.000.000 đồng (trong đó tiền gốc 12.500.000 đồng, tiền lãi 2.500.000 đồng), còn lại 15 ngày chưa trả. Tiền lãi ở mức 20%/năm mà Nhà nước cho phép là: 273.973 đồng, tiền lãi vượt quá mức quy định mà pháp luật cho phép là 2.226.027 đồng. Số tiền A thu lợi bất chính từ lần vay này là 2.426.027 đồng. Số tiền gốc còn lại chị N1 còn nợ A là 7.500.000 đồng.

Tổng số tiền Phạm Ngọc A thu lợi bất chính từ Nguyễn Thị Hồng N1 là 15.591.781 đồng (Mười lăm triệu, năm trăm chín mươi một nghìn, bảy trăm tám mươi một đồng).

7. Trường hợp chị Huỳnh Thị Ái H2, sinh năm: 1974, trú tại: số A đường P, phường P, thành phố H vay tổng cộng 03 lần như sau:

Lần 1: Ngày 10 tháng 6 năm 2023, A cho chị H2 vay số tiền 10.000.000 đồng, phí làm hồ sơ là 200.000 đồng, vay trong vòng 40 ngày, mỗi ngày trả góp 300.000 đồng, trả trước 01 ngày đầu tiên, lãi suất cho vay là 0.50%/ngày, tương đương 182,5%/năm và vượt 9,13 lần mức lãi suất cao nhất mà pháp luật cho phép. Chị H2 đã trả góp được 30 ngày với tổng số tiền là 9.000.000 đồng thì chị H2 đáo hạn vay lần 2 nên đã trả đủ số tiền 12.000.000 đồng cho 40 ngày. Tiền lãi ở mức 20%/năm mà Nhà nước cho phép là: 219.178 đồng, tiền lãi vượt quá mức quy định mà pháp luật cho phép là 1.780.822 đồng. Số tiền A thu lợi bất chính từ lần vay này là 1.980.822 đồng.

Lần 2: Ngày 10 tháng 7 năm 2023, A cho chị H2 vay số tiền 10.000.000 đồng phí làm hồ sơ là 200.000 đồng, vay trong vòng 40 ngày, mỗi ngày trả góp 300.000 đồng, trả trước 01 ngày đầu tiên, lãi suất cho vay là 0.50%/ngày, tương đương 182,5 %/năm và vượt 9,13 lần mức lãi suất cao nhất mà pháp luật cho phép. Chị H2 đã trả hết khoản vay này. Tiền lãi ở mức 20%/năm mà Nhà nước cho phép là: 219.178 đồng, tiền lãi vượt quá mức quy định mà pháp luật cho phép là 1.780.822 đồng. Số tiền A thu lợi bất chính từ lần vay này là 1.980.822 đồng.

Lần 3: Ngày 25 tháng 9 năm 2023, A cho chị H2 vay số tiền 10.000.000 đồng, phí làm hồ sơ là 200.000 đồng, vay trong vòng 40 ngày, mỗi ngày trả góp 300.000 đồng, trả trước 01 ngày đầu tiên, lãi suất cho vay là 0.50%/ngày, tương đương 182,5%/năm và vượt 9,13 lần mức lãi suất cao nhất mà pháp luật cho phép. Chị H2 đã trả góp được 5 ngày với tổng số tiền là 1.500.000 đồng (trong đó tiền gốc 1.250.000 đồng, tiền lãi 250.000 đồng), còn lại 35 ngày chưa trả. Tiền lãi ở mức 20%/năm mà Nhà nước cho phép là: 27.397 đồng, tiền lãi vượt quá mức quy định mà pháp luật cho phép là 222.603 đồng. Số tiền A thu lợi bất chính từ lần vay này là 422.603 đồng. Số tiền gốc còn lại chị H2 còn nợ A là 8.750.000 đồng.

Tổng số tiền A thu lợi bất chính từ Huỳnh Thị Ái H2 là 4.384,247 đồng. (Bốn triệu, ba trăm tám mươi bốn nghìn, hai trăm bốn mươi bảy đồng).

8. Trường hợp ông Nguyễn Đình T1, sinh năm: 1978, trú tại: số E đường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế vay tổng cộng 02 (hai) lần như sau:

Lần 1: Đầu tháng 8 năm 2023, A cho A T1 vay số tiền 20.000.000 đồng không thu phí làm hồ sơ, vay trong vòng 40 ngày, mỗi ngày trả góp 600.000 đồng, trả trước 01 ngày đầu tiên, lãi suất cho vay là 0.50%/ngày, tương đương 182,5%/năm và vượt 9,13 lần mức lãi suất cao nhất mà pháp luật cho phép. A T3 đã trả được 30 ngày với số tiền 18.000.000 đồng thì A T3 đáo hạn vay lần 2 nên đã trả hết số tiền 24.000.000 đồng cho 40 ngày. Tiền lãi ở mức 20%/năm mà Nhà nước cho phép là: 438.356 đồng, tiền lãi vượt quá mức quy định mà pháp luật cho phép là 3.561.644 đồng. Số tiền A thu lợi bất chính từ lần vay này là 3.561.644 đồng.

Lần 2: Ngày 10 tháng 9 năm 2023, A cho A T3 vay số tiền 20.000.000 đồng, không thu phí làm hồ sơ, vay trong vòng 40 ngày, mỗi ngày trả góp 600.000 đồng, trả trước 01 ngày đầu tiên, lãi suất cho vay là 0.50%/ngày, tương đương 182,5%/năm và vượt 9,13 lần mức lãi suất cao nhất mà pháp luật cho phép. A T3 đã trả được 15 ngày với số tiền 10.200.000 đồng (trong đó tiền gốc

8.500.000 đồng, tiền lãi 1.700.000 đồng), còn lại 25 ngày chưa trả. Tiền lãi ở mức 20%/năm mà Nhà nước cho phép là: 186.301 đồng, tiền lãi vượt quá mức quy định mà pháp luật cho phép là 1.513.699 đồng. Số tiền A thu lợi bất chính từ lần vay này là 1.513.699 đồng. Số tiền gốc còn lại A T3 còn nợ A là 11.500.000 đồng.

Tổng số tiền Phạm Ngọc A thu lợi bất chính từ Nguyễn Đình T1 là 5.075.342 đồng (Năm triệu, không trăm bảy mươi lăm nghìn, ba trăm bốn mươi hai đồng).

9. Trường hợp chị Huỳnh Thị Xuân H3, sinh năm: 1976, trú tại: P, nhà B, Khu tập thể D, phường P, thành phố H:

Đầu tháng 9 năm 2023, A cho chị H3 vay số tiền 15.000.000 đồng phí làm hồ sơ là 200.000 đồng, vay trong vòng 40 ngày, mỗi ngày trả góp 450.000 đồng, trả trước 01 ngày đầu tiên, lãi suất cho vay là 0.50%/ngày, tương đương 182,5%/năm và vượt 9,13 lần mức lãi suất cao nhất mà pháp luật cho phép. Chị H3 đã trả được 27 ngày với số tiền 12.150.000 đồng (trong đó tiền gốc 10.125.000 đồng, tiền lãi 2.025.000 đồng), còn lại 13 ngày chưa trả. Tiền lãi ở mức 20%/năm mà Nhà nước cho phép là: 221.918 đồng, tiền lãi vượt quá mức quy định mà pháp luật cho phép là 1.803.082 đồng. Số tiền A thu lợi bất chính từ lần vay này là 2.003.082 đồng. Số tiền gốc còn lại chị H3 còn nợ A là 4.875.000 đồng.

Như vậy, Phạm Ngọc A1 đã bỏ ra số tiền: 340.000.000 đồng để cho 09 đối tượng vay tổng cộng 22 (hai mươi hai) khoản vay dưới hình thức trả góp, với lãi suất vay từ 152,08%/năm đến 304,2%/năm, cao hơn từ 7,6 đến 15,2 lần lãi suất mà Bộ luật Dân sự cho phép, A đã thu lại được số tiền 329.550.000 đồng (trong đó số tiền gốc đã thu: 274.375.000 đồng, lãi đã thu 55.175.000 đồng). Tiền lãi ở mức 20%/năm mà Nhà nước cho phép là 6.232.877 đồng. Tiền thu lợi bất chính là 51.642.123 đồng (trong đó phí làm hồ sơ 2.700.000 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 48,942.123 đồng). Số tiền gốc còn lại những người vay chưa trả cho Phạm Ngọc A là 65.625.000 đồng.

Vật chứng tạm giữ:

- 01 (một) điện thoại di động, hiệu iPhone 7 plus, số IMEI: 359172079219659, màu đen, đã qua sử dụng;

- 01 (một) giấy căn cước công dân số: 046176014331 mang tên Huỳnh Thị Xuân H3, sinh ngày: 02/02/1976, do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 11/11/2021;

- 01 (một) giấy phép lái xe hạng A1, số: 461135005537, mang tên Nguyễn Thị S, do Sở G cấp ngày 24/4/2013;

- 01 (một) thẻ ATM bằng nhựa Ngân hàng V, số thẻ: 9704388616199736015, chủ thẻ PHAM NGOC A, đã qua sử dụng;

- Sao kê chuyển khoản cho vay và sao kê việc góp tiền giữa Phạm Ngọc A và những người vay tiền của A.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 121/2024/HS-ST ngày 09 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế đã tuyên bố bị cáo Phạm Ngọc A phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Hình phạt đối với bị cáo: Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 201; các điểm i, s

khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt: Bị cáo Phạm Ngọc A 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, nhưng được trừ thời gian bị tạm giữ từ ngày 29/9/2023 đến ngày 05/10/2023 là 07 ngày, được quy đổi 01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ, như vậy số ngày bị cáo Phạm Ngọc A1 được trừ đi là 21 ngày. Bị cáo Phạm Ngọc A còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 11 (mười một) tháng 09 (chín) ngày. Thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an thành phố M, tỉnh Quảng Ninh nhận được quyết định thi hành án. Giao bị cáo Phạm Ngọc A cho Ủy ban nhân dân xã V, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh có trách nhiệm giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Phạm Ngọc A.

Xử phạt bổ sung bị cáo Phạm Ngọc A 50.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng; về biện pháp tư pháp; về án phí hình sự sơ thẩm; quyền và nghĩa vụ thi hành án dân sự và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 17/4 và ngày 22/4/2024, bị cáo Phạm Ngọc A có đơn kháng cáo và đơn kháng cáo bổ sung với nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm không xử phạt hình phạt bổ sung là phạt tiền 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng đối với bị cáo. Lý do bị cáo trình bày do hiện nay không có công việc ổn định, không có thu nhập nên không có tiền nộp phạt bổ sung.

Quá trình thụ lý vụ án theo thủ tục phúc thẩm và tại phiên tòa, bị cáo Phạm Ngọc A vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo của mình. Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội đúng như Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Huế đã xét xử và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đơn kháng cáo của bị cáo Phạm Ngọc A được làm trong thời hạn luật định, đúng chủ thể nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Bản án hình sự sơ thẩm số: 121/2024/HS-ST ngày 09 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế đã tuyên bố bị cáo Phạm Ngọc A phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” là có căn cứ pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 không chấp nhận kháng cáo của bị cáo A, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm. Về án phí hình sự phúc thẩm, đề nghị buộc bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tra tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Phạm Ngọc A khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội đó là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ

quan cảnh sát điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện:

Từ tháng 4/2023 đến tháng 9/2023, tại địa bàn thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, Phạm Ngọc A đã có hành vi cho 09 người vay gồm: Nguyễn Thị Kiều O, Nguyễn Đình T1, Nguyễn Thị Hồng N1, Lương Thị Ngọc H1, Hồ Thị N, Lê Thị Ngọc H, Huỳnh Thị Xuân H3, Nguyễn Thị S và Huỳnh Thị Ái H2 vay tổng cộng 22 (hai mươi hai) khoản vay dưới hình thức trả góp, lãi suất vay từ 152,08%/năm đến 304,2%/năm, cao hơn từ 7,6 đến 15,2 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 là 20%/năm. Số tiền mà Phạm Ngọc A thu lợi bất chính từ việc cho vay là 51.642.123 đồng (Năm mươi một triệu, sáu trăm bốn mươi hai nghìn, một trăm hai mươi ba đồng).

Do đó, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế đã kết tội bị cáo Phạm Ngọc A về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm không áp dụng hình phạt bổ sung 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng của bị cáo Phạm Ngọc A, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm chế độ quản lý của Nhà nước về hoạt động tín dụng, trật tự quản lý kinh tế trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ được pháp luật hình sự bảo vệ, làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương, gây bức xúc trong dư luận xã hội. Bị cáo đã dùng thủ đoạn lợi dụng hoàn cảnh người vay gặp khó khăn hoặc cần tiền gấp để thực hiện hành vi ép người vay tiền phải chịu lãi suất rất cao nhằm thu lợi bất chính. Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc và xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đặc điểm nhân thân của bị cáo. Mức hình phạt đối với bị cáo đã thể hiện sự khoan hồng, nhân đạo của pháp luật đối với người phạm tội. Đây là loại tội phạm xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ nên ngoài hình phạt chính mà bị cáo phải chịu là phạt cải tạo không giam giữ thì cần phải áp dụng thêm hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phạt tiền.

Tuy nhiên, xét thấy bản án sơ thẩm đã xác định bị cáo là lao động tự do, có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo nhưng lại xử phạt bị cáo hình phạt bổ sung với mức 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng là chưa phù hợp với hoàn cảnh và thu nhập của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo đối với hình phạt bổ sung, xử phạt bị cáo ở mức khởi điểm của hình phạt bổ sung quy định tại khoản 3 Điều 201 của Bộ luật Hình sự là phù hợp.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Kháng cáo của bị cáo Phạm Ngọc A được chấp nhận một phần nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo đối với hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Phạm Ngọc A. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 121/2024/HS-ST ngày 09 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế đối với phần hình phạt bổ sung.

Tuyên bố bị cáo Phạm Ngọc A phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 201; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bổ sung bị cáo Phạm Ngọc A 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm h khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo Phạm Ngọc A không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Sở Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Phòng PV06 CA tỉnh Thừa Thiên Huế;
- TAND thành phố H;
- VKSND thành phố H;
- Công an thành phố H;
- Cơ quan THA HS CA thành phố H;
- Chi cục THADS thành phố H;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa Hình sự; Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và THAHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Trần Ngọc Tú